

Bản án số: 28/2024/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 6 năm 2024
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sâm và ông Nguyễn Việt Tú.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải Phú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị K, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Khu H, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh Vũ Tiến D, sinh năm 1982. Địa chỉ: Khu H, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị K, anh D đều có quan điểm xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, *Tại đơn khởi kiện ngày 26/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trịnh Thị K trình bày:* Chị và anh Vũ Tiến D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2008 tại UBND xã H (Nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng

quan điểm về lối sống nên không bao ban được nhau, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2021 cho đến nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung là Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 07/8/2009; Vũ Trịnh Tiến V, sinh ngày 08/12/2013 và Vũ Trịnh Tiến Q, sinh ngày 17/9/2015. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L và cháu Q. Chị nhất trí giao cháu V cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị K không yêu cầu giải quyết.

2, *P bị đơn anh Vũ Tiến D*: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2024 anh D trình bày: Anh và chị Trịnh Thị K tự nguyện kết hôn ngày 27/6/2008 tại UBND xã H (Nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng anh tại khu H, xã H. Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống. Nay chị K xin ly hôn, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nhưng chị K kiên quyết xin ly hôn nên anh đồng ý ly hôn với chị K.

Về con chung: Anh và chị K có 03 con chung là Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 07/8/2009; Vũ Trịnh Tiến V, sinh ngày 08/12/2013 và Vũ Trịnh Tiến Q, sinh ngày 17/9/2015. Khi ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu V và nhất trí để chị K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L và cháu Q. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Anh Dũng không yêu cầu giải quyết.

3, *Nguyên vọng của cháu Vũ Thị Khánh L và cháu Vũ Trịnh Tiến Q*: Tại bản tự khai ngày 22/3/2024 cháu L, cháu Q đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyên vọng của các cháu xin được ở với mẹ.

4, *Nguyên vọng của cháu Vũ Trịnh Tiến V*: Tại bản tự khai ngày 22/3/2024 cháu V đề nghị nếu bố mẹ cháu ly hôn thì nguyên vọng của cháu xin được ở với bố.

5, *Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Hùng Việt ngày 18/4/2024 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp*: Chị K và anh D đăng ký kết hôn ngày 27/6/2008 tại UBND xã H (Nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn anh chị về chung sống tại khu H, xã H. Quá trình chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn. Từ năm 2021 đến nay anh chị không còn chung sống cùng nhau nữa. Chị K và anh D có 03 con chung là Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 07/8/2009; Vũ Trịnh

Tiến V, sinh ngày 08/12/2013 và Vũ Trịnh Tiến Q, sinh ngày 17/9/2015. Nay chị K xin ly hôn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị K và anh Vũ Tiến D.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 07/8/2009 và Vũ Trịnh Tiến Q, sinh ngày 17/9/2015 cho chị Trịnh Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Vũ Trịnh Tiến V, sinh ngày 08/12/2013 cho anh Vũ Tiến D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị K, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị K, anh D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị K, anh D không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Trịnh Thị K phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Vũ Tiến D phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Vũ Tiến D có hộ khẩu

thường trú tại khu H, xã H, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị K, anh D đều có quan điểm xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị K và anh D là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã H (nay là xã H), huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 27/6/2008. Chị K và anh D đều xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống nên không bao ban được nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị K và anh D đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị K xin ly hôn, anh D nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy, cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị K và anh D là hoàn toàn phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị K và anh D có 03 con chung là Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 07/8/2009; Vũ Trịnh Tiến V, sinh ngày 08/12/2013 và Vũ Trịnh Tiến Q, sinh ngày 17/9/2015. Khi ly hôn chị K và anh D đều đề nghị giao cháu L, cháu Q cho chị K được được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu V cho anh D được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào. Xét thấy nguyện vọng của anh chị là phù hợp cần chấp nhận.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị K, anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị K, anh D mỗi người phải chịu 75.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 điều 147; khoản 1, Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trịnh Thị K và anh Vũ Tiến D.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 07/8/2009 và Vũ Trịnh Tiến Q, sinh ngày 17/9/2015 cho chị Trịnh Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Giao con chung chưa thành niên là Vũ Trịnh Tiến V, sinh ngày 08/12/2013 cho anh Vũ Tiến D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị K, anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị K, anh D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị K, anh D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Trịnh Thị K phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004800 ngày 01/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Trả lại cho chị K 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Anh Vũ Tiến D phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Các đương sự
- UBND xã H;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền